TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thăng

2. Bà Lương Thị Bảo Thùy

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 378/2025/TLST-HNGĐ ngày 06-11-2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-12-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1986; căn cước số 075186014803, cấp ngày 27-12-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Nai *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

Bị đơn: anh Phạm Công S, sinh năm 1984; căn cước số 075084004906, cấp ngày 24-12-2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: A, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-8-2025, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Bích L *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Phạm Công S tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06-11-2006.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống, anh S lo ăn chơi, rượu chè, chị L nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi,

mâu thuẫn đến mức trầm trọng, chị L và anh S đã sống "ly thân" từ năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Công S.

Về con: theo chị L, vợ chồng có 03 người con chung là Phạm Hồng Khánh L1, sinh ngày 22-01-2008; Phạm Khánh D, sinh ngày 06-12-2010 và Phạm Đăng K, sinh ngày 08-10-2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu L1 và cháu K, đồng ý giao con chung cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: theo chị L, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị L đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19-11-2025, các lời khai trong quá trình xét xử, bị đơn anh Phạm Công S *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh S thừa nhận, về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân đúng như chị L đã trình bày, vợ chồng tự nguyện kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, việc kết hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Quá trình chung sống theo anh S vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cải nhau, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau, hôn nhân không thể hàn gắn. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý.

Về con: anh S thừa nhận, vợ chồng có 03 người con chung như chị L khai là đúng. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, đồng ý giao cháu L1 và cháu K cho chị L trực tếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: theo anh S, vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: theo anh S, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên anh S đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: (1) Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bích L được ly hôn với anh Phạm Công S. Về con: giao con Phạm Hồng Khánh L1, sinh ngày 22-01-2008 và Phạm Đăng K, sinh ngày 08-10-2015 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung Phạm Khánh D, sinh ngày 06-12-2010 cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị L và anh S không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Về tài sản và nợ: không

xem xét giải quyết. (2) Về án phí: đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Chị Trần Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phạm Công S, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Công S có nơi cư trú tại: A, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Chị L và anh S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét, giải quyết về nội dung vụ án.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

4.1. Hôn nhân giữa chị L và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06-11-2006. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

4.2. Lời khai thừa nhận của các đương sự về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, có đủ cơ sở để xác định: quá trình sống chung, vợ chồng chị L và anh S đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh S là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị L và anh S có 03 người con Phạm Hồng Khánh L1, sinh ngày 22-01-2008; Phạm Khánh D, sinh ngày 06-12-2010 và Phạm Đăng K, sinh ngày 08-10-2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu L1 và cháu K, đồng ý giao con chung cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung cháu L1 và cháu K sống cùng chị L, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, con chung cháu D sống cùng anh S, yêu cầu nuôi con của chị L cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung cháu L1 và cháu K, mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, để không làm xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cháu L1 và cháu K cho chị L nuôi dưỡng, giao con

chung cháu D cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L và anh S không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản, nợ chung:

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét; về nợ chung, chị L trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích L, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Phạm Công S.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bích L được ly hôn với anh Phạm Công S.

2. Về con: giao con Phạm Hồng Khánh L1, sinh ngày 22-01-2008 và Phạm Đăng K, sinh ngày 08-10-2015 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung Phạm Khánh D, sinh ngày 06-12-2010 cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị L và anh S không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

Chị L và anh S có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006419 ngày 04-11-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai.
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất (nay là xã Dầu Giây), tỉnh Đồng Nai, GCN số 171 quyển 01/2006, *(Để vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường